

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN**  
**(Từ ngày 15 đến 21/8/2026)**

**1.1. Lưu vực sông Hồng**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| - Tổng lượng mưa khu vực miền núi phía Bắc: phổ biến 15-35mm, có nơi trên 70mm như trạm Mường Tè (Lai Châu) 82.0mm, Bắc Hà (Lào Cai) 75.8mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao biến đổi chậm với xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái thấp hơn trung bình nhiều năm (TBNN) cùng kỳ 8%.<br>+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 37%.<br>+ Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 13%.<br>+ Trên sông Hồng: Trong 7 ngày qua, dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm với xu thế xuống do lũ trên sông Thao xuống dần và hồ Tuyên Quang, hồ Hòa Bình lần lượt đóng 01 cửa xả đáy. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 20%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300mm, có nơi trên 400mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái dự báo giảm hơn so với thời đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 5%.<br>+ Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ thấp hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 34%.<br>+ Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 14%.<br>+ Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ dao động theo điều tiết từ các thủy điện tuyến trên với xu thế thấp hơn so với tuần trước đó. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ 4%.  |

**1.2. Lưu vực sông Thái Bình**

|                                                                          |
|--------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                          |
| - Tổng lượng mưa: Từ 10-50mm, có nơi trên 100mm như trạm: Đình Lập (Lạng |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Son) 103.8mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng lượng dòng chảy:</li> <li>+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy giảm dần; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 8%.</li> <li>+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy tại trạm thủy văn Chũ biến đổi chậm xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 62%.</li> </ul>                   |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng lượng mưa: phổ biến 150-300mm, có nơi trên 400mm</li> <li>- Tổng lượng dòng chảy:</li> <li>+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy sẽ biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 12%.</li> <li>+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy sẽ biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%.</li> </ul> |

### 1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-50mm, cục bộ có nơi trên 100mm như trạm: Vinh (Nghệ An) 113.5mm, Khe Sanh (Quảng Trị) 437.5mm</li> <li>- Tổng lượng dòng chảy:</li> <li>+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng so với tuần trước, riêng sông Ngàn Phố giảm hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 21%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 49%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 64%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 87%.</li> <li>+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 43%.</li> </ul> |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng lượng mưa: Phổ biến 150-300mm, cục bộ có nơi trên 400mm; riêng Nam Quảng Trị đến Tp. Huế phổ biến 20-60mm, có nơi trên 80mm.</li> <li>- Tổng lượng dòng chảy:</li> <li>+ Trong những ngày tới, khu vực khả năng xuất hiện lũ vào nửa cuối tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh khả năng</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao TBNN cùng kỳ khoảng 28%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn 41%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt xấp xỉ TBNN, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 55%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 74%.

#### 1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| - Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa phổ biến <10mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| - Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn thấp hơn TBNN 12%; sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn TBNN 7%.<br>+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm, một số sông có xuất hiện dao động. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 29%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 88%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 31%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 70% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 88%. |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| - Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 6%; sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức cao hơn TBNN 14%.<br>+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 75% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 30% so với TBNN.                                                                                                                                                                                                                                                              |

### 1.5.Lưu vực sông Mê Công

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-60mm, có nơi trên 100mm như: Eahleo (Đắk Lắk) 203.4mm, Tà Lài (Đồng Nai) 105.2mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tuần trước; sông Krông Ana ở mức thấp hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 85%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 75%.<br>+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần                                                                                                                                             |
| <i>b. Dự báo, cảnh báo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| - Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-80mm, có nơi trên 100mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Tổng lượng dòng chảy:<br>+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức tương đương so với tuần vừa qua; Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 83%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 69%.<br>+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục tăng trong những ngày đầu sau đó ít biến đổi: trên sông Tiền tại trạm Tân Châu có khả năng cao hơn TBNN 22%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc có khả năng thấp hơn TBNN 18%. |

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/8/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**  
*Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/08/2026*

*Đơn vị: mm*

| Khu vực                                 | Trạm        | Thực đo 7 ngày | So sánh TBNN (%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |      |                  |
|-----------------------------------------|-------------|----------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------|------------------|
|                                         |             |                |                  | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng | So sánh TBNN (%) |
| Lưu vực sông Hồng                       | Tam Đường   | 9.5            | <89              | 31     | 7      | 37     | 36     | 30     | 13     | 39     | 193  | >148             |
|                                         | Sơn La      | 37.7           | <32              | 40     | 14     | 62     | 45     | 38     | 14     | 24     | 236  | >275             |
|                                         | Hòa Bình    | 8.2            | <85              | 5      | 4      | 29     | 100    | 103    | 72     | 5      | 318  | >268             |
|                                         | Lào Cai     | 2.1            | <97              | 8      | 10     | 19     | 67     | 56     | 26     | 3      | 189  | >148             |
|                                         | Yên Bái     | 21.6           | <70              | 11     | 10     | 41     | 92     | 76     | 34     | 1      | 265  | >186             |
|                                         | Tuyên Quang | 59.2           | <12              | 7      | 17     | 54     | 78     | 96     | 61     | 7      | 319  | >367             |
|                                         | Hà Giang    | 15.8           | <85              | 4      | 9      | 53     | 54     | 88     | 30     | 20     | 257  | >190             |
|                                         | Láng        | 16.7           | <72              | 5      | 3      | 19     | 83     | 89     | 69     | 8      | 276  | >259             |
|                                         | Thái Bình   | 10.5           | <82              | 10     | 14     | 48     | 66     | 108    | 54     | 10     | 309  | >411             |
|                                         | Nam Định    | 8.9            | <87              | 7      | 16     | 35     | 72     | 110    | 63     | 14     | 317  | >364             |
| Lưu vực sông Thái Bình                  | Bắc Cạn     | 49.9           | <17              | 12     | 12     | 68     | 83     | 89     | 26     | 7      | 296  | >402             |
|                                         | Thái Nguyên | 7.9            | <87              | 7      | 10     | 46     | 71     | 65     | 67     | 33     | 298  | >218             |
|                                         | Bắc Ninh    | 26.2           | <66              | 4      | 9      | 47     | 75     | 71     | 61     | 22     | 289  | >274             |
|                                         | Lạng Sơn    | 7.7            | <80              | 7      | 15     | 32     | 49     | 22     | 22     | 7      | 154  | >156             |
|                                         | Bắc Giang   | 20.9           | <67              | 11     | 13     | 34     | 71     | 64     | 44     | 21     | 256  | >295             |
|                                         | Hải Dương   | 0.1            | <100             | 3      | 5      | 43     | 94     | 61     | 80     | 17     | 301  | >398             |
| Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ | Hồi Xuân    | 26.8           | <63              | 3      | 2      | 9      | 29     | 42     | 19     | 21     | 125  | >33              |
|                                         | Bái Thượng  | 30.9           | <60              | 5      | 3      | 14     | 43     | 64     | 28     | 31     | 187  | >88              |
|                                         | Thanh Hóa   | 17.1           | <74              | 14     | 10     | 17     | 37     | 82     | 33     | 35     | 227  | >198             |
|                                         | Quỳ Châu    | 18.1           | <72              | 18     | 5      | 16     | 39     | 61     | 45     | 25     | 210  | >145             |
|                                         | Cửa Rào     | 39.3           | <21              | 17     | 6      | 9      | 44     | 61     | 50     | 14     | 201  | >211             |
|                                         | Đô Lương    | 35.9           | <31              | 12     | 4      | 5      | 81     | 50     | 44     | 5      | 202  | >261             |

| Khu vực                            | Trạm          | Thực đo 7 ngày | So sánh TBNN (%) | Dự báo |        |        |        |        |        |        |      |                  |
|------------------------------------|---------------|----------------|------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------|------------------|
|                                    |               |                |                  | Ngày 1 | Ngày 2 | Ngày 3 | Ngày 4 | Ngày 5 | Ngày 6 | Ngày 7 | Tổng | So sánh TBNN (%) |
|                                    | Vinh          | 113.5          | >246             | 8      | 1      | 8      | 40     | 66     | 54     | 8      | 185  | >178             |
|                                    | Hương Sơn     | 9.2            | <75              | 5      | 4      | 4      | 38     | 62     | 139    | 10     | 262  | >241             |
|                                    | Hương Khê     | 11.7           | <80              | 1      | 0      | 1      | 73     | 64     | 177    | 16     | 332  | >479             |
|                                    | Hà Tĩnh       | 71.4           | >176             | 2      | 3      | 4      | 62     | 88     | 159    | 16     | 333  | >600             |
|                                    | Đồng Hới      | 6.1            | <75              | 1      | 1      | 2      | 18     | 78     | 25     | 15     | 139  | >286             |
|                                    | Quảng Trị     | 17.5           | <50              | 1      | 2      | 5      | 29     | 11     | 7      | 11     | 66   | >115             |
|                                    | Nam Đông      | 1.1            | <97              | 5      | 0      | 3      | 7      | 3      | 8      | 3      | 29   | <44              |
|                                    | Huế           | 8.4            | <70              | 3      | 0      | 2      | 5      | 4      | 3      | 2      | 19   | <40              |
| Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ | Đà Nẵng       | 0              | <100             | 8      | 0      | 1      | 17     | 6      | 0      | 0      | 34   | <16              |
|                                    | Trà My        | 3.7            | <90              | 2      | 0      | 0      | 12     | 10     | 0      | 0      | 25   | <52              |
|                                    | Ba Tơ         | 0.5            | <99              | 1      | 0      | 0      | 3      | 4      | 4      | 0      | 11   | <74              |
|                                    | Quảng Ngãi    | 4              | <77              | 8      | 1      | 2      | 12     | 1      | 1      | 0      | 26   | <34              |
|                                    | Quy Nhơn      | 1.6            | <87              | 1      | 0      | 0      | 1      | 3      | 0      | 0      | 6    | <64              |
|                                    | An Khê        | 10.4           | <43              | 1      | 0      | 1      | 4      | 3      | 3      | 1      | 12   | <59              |
|                                    | Tuy Hòa       | 1.9            | <77              | 6      | 6      | 0      | 0      | 0      | 1      | 0      | 13   | >7               |
|                                    | Nha Trang     | 4              | <64              | 9      | 4      | 0      | 0      | 1      | 2      | 0      | 16   | >53              |
| Lưu vực sông Mê Công               | Kon Tum       | 20.4           | <66              | 8      | 9      | 10     | 23     | 27     | 15     | 3      | 94   | >32              |
|                                    | Lắk           | 97             | >37              | 6      | 15     | 15     | 14     | 21     | 45     | 6      | 122  | >39              |
|                                    | Buôn Mê Thuật | 63.7           | <6               | 10     | 16     | 11     | 11     | 2      | 11     | 1      | 61   | >8               |
|                                    | Biên Hòa      | 50.5           | >12              | 20     | 21     | 12     | 11     | 5      | 9      | 3      | 80   | >13              |
|                                    | Cần Thơ       | 8.6            | <79              | 12     | 7      | 6      | 6      | 4      | 9      | 3      | 46   | >21              |

Bảng 1.2: Tổng lượng dòng chảy dự báo từ ngày 15/8 đến ngày 21/8/2026

Đơn vị: triệu m<sup>3</sup>

| Sông     | Trạm        | Thực đo<br>từ ngày<br>08/8 -<br>14/8 | So<br>sánh<br>TBNN<br>(%) | Dự báo |       |       |       |       |       |       |       |                     |
|----------|-------------|--------------------------------------|---------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|---------------------|
|          |             |                                      |                           | 15/08  | 16/08 | 17/08 | 18/08 | 19/08 | 20/08 | 21/08 | Tổng  | So sánh<br>TBNN (%) |
| Thao     | Yên Bái     | 847                                  | <8                        | 90     | 86    | 88    | 90    | 111   | 188.0 | 168   | 847   | <8                  |
| Lô       | Tuyên Quang | 562                                  | >37                       | 72     | 69    | 82    | 86    | 108   | 104.0 | 86    | 562   | >37                 |
| Đà       | Hồ Hòa Bình | 2366                                 | >13                       | 307    | 315   | 320   | 322   | 324   | 328   | 328   | 2366  | >13                 |
| Hồng     | Hà Nội      | 3188                                 | >20                       | 332    | 322   | 312   | 307   | 302   | 342.0 | 372   | 3188  | >20                 |
| Cầu      | Gia Bảy     | 86.6                                 | <8                        | 9.07   | 9.81  | 10.5  | 17.6  | 21.9  | 21.9  | 19.7  | 86.6  | <8                  |
| Lục Nam  | Chũ         | 29.6                                 | <62                       | 2.12   | 2.76  | 4.29  | 8.99  | 11.8  | 10.6  | 8.48  | 29.6  | <62                 |
| Mã       | Cắm Thủy    | 683                                  | >21                       | 91.6   | 91.7  | 90.5  | 96.4  | 123   | 170   | 158   | 683.4 | >21                 |
| Cả       | Yên Thượng  | 257                                  | <49                       | 34.7   | 34.7  | 34.3  | 36.5  | 46.7  | 64.5  | 60.1  | 257   | <49                 |
| La       | Hòa Duyệt   | 28.4                                 | <64                       | 5.39   | 5.39  | 5.32  | 5.88  | 6.22  | 9.3   | 10.9  | 28.4  | <64                 |
| Tả Trách | Thượng Nhật | 5.3                                  | >43                       | 1      | 1.1   | 1.1   | 1.2   | 1.2   | 1.3   | 1.2   | 5.3   | >43                 |
| Thu Bồn  | Nông Sơn    | 43.5                                 | <12                       | 8      | 8.1   | 8     | 8.4   | 8.5   | 8.3   | 8.5   | 43.5  | <12                 |
| Trà Khúc | Sơn Giang   | 37.7                                 | <7                        | 7.2    | 7.1   | 6.9   | 7.1   | 6.7   | 6.7   | 6.7   | 37.7  | <7                  |
| Ba       | Củng Sơn    | 17.3                                 | <88                       | 6.91   | 5.18  | 4.32  | 3.89  | 3.02  | 2.8   | 2.59  | 17.3  | <88                 |
| Cái N,T  | Đồng Trăng  | 10.9                                 | <31                       | 1.38   | 1.47  | 1.56  | 1.64  | 1.73  | 1.9   | 2.16  | 10.9  | <31                 |
| ĐăkBlá   | KonTum      | 10.3                                 | <85                       | 1.73   | 1.81  | 1.92  | 1.77  | 1.48  | 1.3   | 1.22  | 10.3  | <85                 |
| Srêpôk   | Giang Sơn   | 15.2                                 | <75                       | 2.78   | 2.55  | 2.28  | 2.25  | 2.43  | 2.6   | 2.77  | 15.2  | <75                 |
| Tiền     | Tân Châu    |                                      |                           | 1867   | 1893  | 1910  | 1936  | 1936  | 1945  | 1945  |       |                     |
| Hậu      | Châu Đốc    |                                      |                           | 293    | 303   | 311   | 317   | 320   | 318   | 305   |       |                     |